TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **140**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 11 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 999/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Đình L, sinh năm: 1992; địa chỉ: Số 985/35 Âu Cơ, phường Tân Sơn Nhì, quậnTân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: 72-74 Bến Nghé, phường Phú Hội, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Vợ chồng anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T có 02 người con chung tên là Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/5/2015 và Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 16/4/2018.

Giao các cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/5/2015 và Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 16/4/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Đình L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu mỗi tháng là 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*. Thời hạn nuôi con, cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Trần Nguyễn Gia H, Trần Nguyễn Khánh N lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Trần Đình L tự nguyện chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh Trần Đình L đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001355 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trần Đình L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND Thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường Hương Vinh, thành phố Huế;
(Đăng ký kết hôn số 29 ngày 17/03/2014)
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; lưu dán.

THẨM PHÁN

Hồ Vinh Phú